

Bản án số: 40/2024/DS-PT

Ngày 24/4/2024

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy và ông Trần Hữu Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2024/TLPT-DS ngày 08/01/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp*", do bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện B Giang bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án xét xử phúc thẩm số 34/2024/QĐXX-PT ngày 07/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐPT-DS ngày 04/4/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng V**; Địa chỉ: Phường L, Quận Đ, TP. Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vương Văn T; ông Đỗ Hùng V; ông Đào Đức Quang T, theo Văn bản ủy quyền số 252 ngày 22/8/2023 (*Vắng mặt*)

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn C**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương (*Vắng mặt*)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn B, sinh năm 1963 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1965; Đều ở địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ

thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày:

Anh Lê Văn C vay vốn tại Ngân hàng V với 03 khoản vay:

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN1705290063922 ngày 05/06/2017, khế ước nhận nợ lần 01; Số tiền cho vay: 550.000.000 đồng; Thời hạn vay: 84 tháng; Mục đích: Bỏ xung vốn kinh doanh đồ bạc; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 13,5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần, bằng lãi suất bán vốn của V (+) biên độ 07%/năm.

- Khoản vay theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 02/06/2017; số tiền: 90.000.000 đồng; Thời hạn vay 48 tháng; Lãi suất cho vay 20%/năm.

- Khoản vay theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ thanh toán quốc tế (Thẻ Timo) ký ngày 11/6/2018, hạn mức yêu cầu: 14.000.000 đồng, tuy nhiên được V chấp nhận cho vay theo hạn mức 45.000.000 đồng. Lãi suất cho vay thực hiện theo biểu lãi suất do V quy định tại từng thời kỳ được công bố công khai trên website của kênh bán Timo.

Các kỳ trả nợ được quy định cụ thể trong các Hợp đồng cho vay và (các) Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Các khoản vay nêu trên được bảo đảm bởi: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ : Xã Thúc Kháng, huyện B Giang, tỉnh Hải Dương theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BM 501763 đứng tên ông Lê Văn B và bà Vũ Thị L. Tất cả các công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Sau khi ký kết các hợp đồng tín dụng, VPBank đã giải ngân đủ tiền cho vay theo đúng nội dung thỏa thuận bằng các khế ước nhận nợ được ký kết giữa 2 bên, cũng như thực tế sử dụng thẻ tín dụng của anh C.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh C đã vi phạm hợp đồng về trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận. Đến ngày 22/7/2022, VP bank đã ra thông báo về thu hồi nợ trước hạn cho bên vay, yêu cầu bên vay thanh toán ngay toàn bộ dư nợ gốc, lãi của 3 khoản vay, nhưng bên vay đến nay vẫn không thanh toán đủ.

Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc anh C phải trả các khoản vay, tính đến ngày 22/9/2023 như sau: Khoản vay 550.000.000 đồng: Tiền nợ gốc 258.258.611 đồng; Tiền lãi 214.762.246 đồng; Tiền phạt chậm trả lãi 40.138.798 đồng. Tổng cộng: 513.159.655 đồng; Khoản vay 90.000.000 đồng:

Tiền nợ gốc 31.857.813 đồng; Tiền nợ lãi 30.636.427 đồng; Tiền phạt chậm trả lãi 5.186.072 đồng. Tổng cộng: 67.680.311 đồng; Khoản vay phát sinh sử dụng thẻ tín dụng Timo: Tiền nợ gốc: 42.498.926 đồng; Tiền nợ lãi: 67.230.807 đồng; Tiền phạt chậm trả lãi: 0 đồng. Tổng cộng: 109.729.733 đồng. Tổng cộng tất cả các khoản vay của anh C còn nợ Nguyên đơn tính đến ngày 22/9/2023 là 690.569.700 đồng. Ngoài ra anh C còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong. Trường hợp anh C không trả được nợ thì VPBank có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm để đảm bảo trả nợ vay theo thỏa thuận của hợp đồng thế chấp.

Bị đơn là anh Lê Văn C trình bày: Anh nhất trí với nội dung trình bày của VPBank về việc ký kết các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản; xác định đã nhận được tiền cho vay; nhất trí với nội dung yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi do nguyên đơn đưa ra; đồng ý với các tài liệu VP bank cung cấp khi khởi kiện về các khoản tiền nợ gốc, lãi đã thanh toán là đúng. Tuy nhiên, anh C đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giãn nợ vì hiện anh gặp khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Vũ Thị L xác định có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất như nguyên đơn nêu trên, đề nghị Tòa án xem xét, tạo điều kiện cho anh C trả nợ dần để không phải phát mại tài sản, trường hợp nếu anh C không trả được nợ thì đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp; sau đó bà L thay đổi ý kiến không đồng ý phát mại tài sản. Đối với ông Lê Văn B, Tòa án triệu tập, thông báo đến làm việc, tuy nhiên ông không đến vì lý do không đồng ý với việc đòi nợ, yêu cầu phát mại tài sản của Vpbank.

Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, xác định: Tài sản thế chấp là diện tích đất, cùng tài sản trên đất không có tranh chấp và thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người thế chấp là ông B và bà L. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ, trên đất có các tài sản như sau: 01 nhà cấp 4 (4 gian, mái ngói); 01 gian công trình phụ (lợp tôn); 02 bể nước; 01 nhà tắm; sân trệt bê tông; cây cối (2 cây nhãn, 1 cây lộc vừng, 1 cây mít, 1 cây na, 1 cây bưởi); tường bao xung quanh đất và cổng sắt. Tài sản trên đất đều thuộc quyền sở hữu của ông B, bà L. Anh C và vợ là chị Nga không có công sức đóng góp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 22/9/2023, Tòa án nhân dân huyện B Giang, tỉnh Hải Dương: Căn cứ vào Điều 117, Điều 292, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 385 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 167 Luật đất đai 2013; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ; Thông tư số

39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về việc đòi tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng. Buộc anh Lê Văn C phải trả nợ đã vay tại 03 hợp đồng tín dụng bao gồm: Khoản tiền nợ gốc= 332.615.350 đồng; Khoản tiền lãi trong hạn, quá hạn 196.033.079 đồng; Khoản tiền lãi do chậm trả tiền lãi= 25.607.412 đồng. Tổng cộng = 554.255.841 đồng.

- Không chấp yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đòi anh C phải trả số tiền vượt quá số nợ phải trả nêu trên= 136.313.859 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm (22/9/2023) cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Văn C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về phát mại tài sản thế chấp: Trường hợp anh Lê Văn C không trả được nợ vay như nêu trên, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện B Giang phát mại tài sản bảo đảm để trả nợ vay, gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ : Xã Thúc Kháng, huyện B Giang, tỉnh Hải Dương. Trường hợp tài sản bảo đảm đã phát mại không đủ để trả hết nợ, anh C phải tiếp tục trả phần nợ còn lại.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 26/9/2023,

nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị áp dụng mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng giữa VP bank và anh Lê Văn C (đối với 03 hợp đồng tín dụng), xem xét lại cách tính nợ gốc và nợ lãi của cấp sơ thẩm đối với 03 hợp đồng tín dụng; về việc tiếp tục tính lãi tại 03 hợp đồng tín dụng kể từ saungày xét xử sơ thẩm đến khi anh C thanh toán xong hết các khoản nợ;

Đề nghị tuyên chong nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành thủ tục phát mại toàn bộ tài sản đã đem thế chấp đảm bảo cho 03 hợp đồng tín dụng.

Ngày 07/3/2024,

đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với việc xem xét tính nợ gốc, nợ lãi đối với 02 hợp đồng tín dụng giữa hai bên (Hợp đồng cho vay số LN1705290063922 ngày 05/06/2017; Khoản vay theo Giấy đăng ký vay tiêu

dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 02/06/2017); về yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành thủ tục phát mại tài sản đảm bảo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên

đơn chấp hành đúng quy định về quyền nghĩa vụ quy định, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành không đúng quy định như không có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết đối với kháng cáo của nguyên đơn: Đình chỉ đối với kháng cáo của nguyên đơn do nguyên đơn tự nguyện rút phần yêu cầu kháng cáo đối với 02 hợp đồng tín dụng (Hợp đồng cho vay số LN1705290063922 ngày 05/06/2017; Khoản vay theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 02/06/2017); Sửa án sơ thẩm, chấp nhận đối với phần yêu cầu kháng cáo xem xét tính lại phần nợ gốc, nợ lãi theo mức lãi suất thỏa thuận giữa hai bên theo hợp đồng tín dụng đã ký (Khoản vay theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ thanh toán quốc tế Timo ký ngày 11/6/2018), đến ngày 22/9/2023 anh Lê Văn C nợ nguyên đơn tổng nợ gốc và nợ lãi = 109.729.733 đồng; anh C tiếp tục phải có trách nhiệm thanh toán nợ lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 23/9/2023 đến khi thanh toán xong nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định nên là cáo hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Đại diện nguyên đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án niêm yết, triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo nguyên đơn.

[2.1] Đối với phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc xem xét tính nợ gốc, nợ lãi đối với 02 hợp đồng tín dụng giữa hai bên (Hợp đồng cho vay số LN1705290063922 ngày 05/06/2017, số tiền vay 550.000.000 đồng; Khoản vay theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh

toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 02/06/2017, số tiền vay 90.000.000 đồng); về yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành thủ tục phát mại tài sản đảm bảo. Xét, hiện đại diện của nguyên đơn tự nguyện rút toàn bộ các nội dung yêu cầu kháng cáo này nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo trên theo quy định tại Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với phần yêu cầu kháng cáo đối với hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng (Thẻ Timo) ký kết giữa VPBank và Lê Văn C trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận của hai bên. VPBank đã thực hiện giải ngân vốn cho vay theo đúng nội dung hợp đồng đã thỏa thuận. Bị đơn xác nhận đã nhận đủ tiền vay là 45.000.000 đồng, tuy nhiên mới trả được một phần tiền gốc, một phần tiền lãi, sau đó vi phạm thời hạn trả nợ. VPBank đã thông báo đến anh C và ông B, bà L (bên có tài sản đảm bảo) về thu hồi nợ trước hạn và cả khoản nợ đã đến hạn theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên. Theo đó, VPBank yêu cầu bên vay trả nợ ngay tất cả các khoản gốc, lãi. Tuy nhiên đến nay, bên vay vẫn chưa thanh toán xong. Như vậy, các bên đương sự đều xác định các hợp đồng tín dụng hai bên ký kết có hiệu lực pháp luật phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa hai bên. Do vậy, VPBank khởi kiện yêu cầu bị đơn (anh C) có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi bên vay chưa trả là có cơ sở.

Tại bản án sơ thẩm xác định anh Lê Văn C là cá nhân sống tại nông thôn, sử dụng khoản vay Thẻ Timo cho mục đích tiêu dùng. Do đó, khoản vay tín dụng (Thẻ Timo) của anh Lê Văn C chịu sự điều chỉnh tại khoản 4 Điều 4 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống của nông dân, cư dân ở nông thôn (sau đây gọi tắt là Nghị định 55) nên xác định mức lãi suất cố định và lãi suất đã điều chỉnh của VPBank áp dụng cho khoản vay đều vượt quá các mức lãi suất tối đa được quy định tại các Quyết định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước từng thời kỳ nên không chấp nhận mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng (Thẻ Timo) mà VPBank và bị đơn đã ký kết mà áp dụng mức lãi suất tối đa tại các Quyết định của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam, tương ứng với từng thời kỳ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo khoản 1 Điều 10 Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ quy định “Lãi suất cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn do khách hàng và tổ chức tín dụng thỏa thuận phù hợp với quy định của NHNN Việt Nam từng thời kỳ”. Theo thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: “Điều 3- Tổ chức tín dụng có quyền tự chủ trong hoạt động cho vay và tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình. Không tổ chức, cá nhân nào được

can thiệp trái pháp luật vào hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Khoản 5 Điều 7 - Trường hợp khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng theo lãi suất cho vay quy định tại khoản 2 Điều 13 thông tư này, thì khách hàng được tổ chức tín dụng đánh giá là có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh”. Việc quyết định cho vay và áp dụng mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng xem xét, thỏa thuận với khách hàng trên cơ sở kết quả thẩm định, đánh giá khách hàng, tuân thủ quy định nội bộ và quy định pháp luật liên quan.

Thực tế anh C có lời khai xác định anh vay tiền của Ngân hàng VPBank với mục đích vào việc chi cho tiêu dùng của gia đình anh(BL: 105).Các đương sự đều xác định hai bên tự nguyện ký kết hợp đồng tín dụng, lãi suất hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Căn cứ quy định nội bộ của VPBank về quyết định áp dụng biểu mức lãi suất điều chuyển vốn nội bộ, xác định mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp pháp luật và quy định nội bộ. Do vậy xác định trường hợp anh Lê Văn C không thuộc trường hợp được hưởng chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Nghị định 55.

Do vậy, thỏa thuận về lãi suất vay vốn giữa anh Lê Văn C với Ngân hàng VP bank là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về việc tính lãi suất đối với khoản vay được tính theo lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng (Thẻ Timo) với mức 2,99%/tháng. Tính đến ngày 22/9/2023 khoản nợ hợp đồng tín dụng (Thẻ Timo) giữa hai bên ký kết ngày 11/6/2018 anh C còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 42.498.926 đồng và số tiền nợ lãi là 67.230.807 đồng. Tổng nợ gốc, nợ lãi anh Lê Văn C phải thanh toán trả cho Ngân hàng VPBank tính đến ngày 22/9/2023 là 109.729.733 đồng; kể từ ngày 23/9/2023 anh Lê Văn C còn có nghĩa vụ tiếp tục phải thanh toán tiền nợ lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Thẻ Timo) do hai bên đã ký.

[2.3] Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc xác định nợ gốc, nợ lãi của anh Lê Văn C đối với nguyên đơn tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng (thẻ Timo) tính đến ngày 22/9/2023 là 109.729.733 đồng, nên so với việc Tòa án cấp sơ thẩm tính và xác định nợ gốc, nợ lãi của anh C với nguyên đơn đến ngày 22/9/2023 của hợp đồng tín dụng (thẻ Timo) tăng lên là **57.602.616 đồng**[109.729.733 đồng- 44.501.769 đồng (án sơ thẩm xác định là nợ gốc)- 7.625.348 đồng (án sơ thẩm xác định là nợ lãi)= 57.602.616 đồng]. Do vậy, cần sửa án sơ thẩm phần không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi anh Lê Văn C phải trả số tiền vượt quá số nợ phải trả (tại mục 2 phần *quyết định* của bản án sơ thẩm) là **78.711.243 đồng**[136.313.859 đồng- 57.602.616 đồng= 78.711.243 đồng].

[2.4]. Về án phí: Đối với phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận, anh Lê Văn C phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng (Thẻ Timo) tăng lên là 57.602.616 đồng nên phải chịu thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.880.130 đồng và nguyên đơn được giảm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.880.130 đồng (đối với phần yêu cầu không được chấp nhận tại án sơ thẩm). Cụ thể:

-Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **29.050.364 đồng** [26.170.234 đồng + 2.880.130 đồng = 29.050.364 đồng];

Ngân hàng VPBank phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **3.935.563 đồng** [6.815.693 đồng - 2.880.130 đồng = 3.935.563 đồng], được đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn đã nộp 10.000.000 đồng; hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 6.064.437 đồng.

-Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả nguyên đơn số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm.

[3] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn (Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng).

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xử phạt thẩm phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn (Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng): Đối với việc xác định nợ gốc, nợ lãi của anh Lê Văn C với nguyên đơn tại Hợp đồng tín dụng số LN1705290063922 ngày 05/06/2017 (khoản vay 550.000.000 đồng); Khoản vay theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 02/06/2017 (khoản vay 90.000.000 đồng); về quyền được yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành thủ tục phát mại tài sản đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng.

3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm 08/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện B Giang, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 117, Điều 292, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 385 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 167 của Luật đất đai 2013; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

3.1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về việc đòi tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng.

Buộc anh Lê Văn C phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng tín dụng (Thẻ Timo) do hai bên ký kết ngày 11/6/2018, tính đến ngày 22/9/2023 số tiền nợ gốc là 42.498.926 đồng và số tiền nợ lãi là 67.230.807 đồng. Tổng số nợ (nợ gốc+ nợ lãi) anh Lê Văn C phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là 109.729.733 đồng (Một trăm linh chín triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng); kể từ ngày 23/9/2023 anh Lê Văn C còn phải tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Thẻ Timo) do hai bên đã ký.

3.2 Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đòi anh Lê Văn C phải trả số tiền vượt quá yêu cầu khởi kiện là 78.711.243 đồng (Bảy mươi tám triệu bảy trăm mười một nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng).

3.3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Anh Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.050.364 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng);

Nguyên đơn (Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.935.563 đồng (Ba triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng); được trừ số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004000 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B Giang; hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 6.064.437 đồng (Sáu triệu không trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng)

-Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0004380 ngày 13/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B Giang.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 24/4/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện B Giang;
- Chi cục THA DS huyện B Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS; hrutoà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết

